

Tên:

Week: 6

Lớp: S4...

Ngữ pháp HW:

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Độc HW:

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



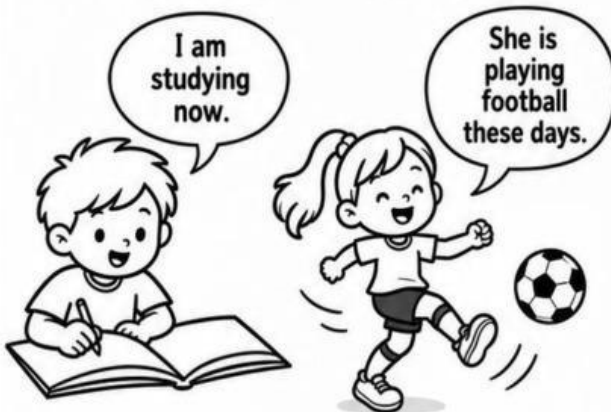
UNIT 2: PRESENT CONTINUOUS AND FLYERS WRITING PART 7

A. THEORY

I. GRAMMAR: PRESENT CONTINUOUS

1 Cách dùng

- Nói về hành động **đang xảy ra bây giờ**.
- Nói về hành động **xảy ra trong giai đoạn hiện tại** (không nhất thiết là ngay lúc nói).



2 Công thức

(+) Câu khẳng định

I am + V-ing
He / She / It + is + V-ing
We / You / They + are + V-ing

(-) Câu phủ định

I am not + V-ing
He / She / It + is not + V-ing
We / You / They + are not + V-ing

(?) Câu nghi vấn

Am I + V-ing?
Is he / she / it + V-ing?
Are we / you / they + V-ing?

3 Cách thêm -ing

1 Hầu hết các động từ: thêm -ing

read → reading
play → playing

2 Động từ kết thúc bằng -e: bỏ -e, thêm -ing

write → writing
make → making

3 Động từ ngắn (1 âm tiết, tận cùng là phụ âm + nguyên âm + phụ âm): gấp đôi phụ âm cuối, thêm -ing

run → running
sit → sitting

4 Dấu hiệu nhận biết

- now (bây giờ)
- at the moment (lúc này)
- today (hôm nay)
- this week (tuần này)
- this month (tháng này)
- this term (học kỳ này)
- Look! (Nhìn kia!)
- Listen! (Nghe kia!)



FLYERS WRITING PART 7

VIẾT CÂU CHUYỆN TỪ 3 BỨC TRANH

1. DẠNG BÀI

Viết một câu chuyện từ 20 từ trở lên dựa trên 3 bức tranh cho sẵn.



2. CÁCH LÀM BÀI

BƯỚC 1: QUAN SÁT

Nhìn 3 tranh và trả lời:

- WHO? (Ai?)
 - WHERE? (Ở đâu?)
 - ACTION? (Đang làm gì?)
- Hình thành cốt truyện.



BƯỚC 2: GHÉP CÂU CHUYỆN

Sắp xếp ý và nối các câu thành một câu chuyện.



BƯỚC 3: KIỂM TRA

Kiểm tra lại ngữ pháp và chính tả.



3. MẸO LÀM BÀI

Ưu tiên dùng thì **HIỆN TẠI TIẾP DIỄN** vì dễ viết và ít sai nhất.

am / is / are + V-ing

Dùng từ nối để câu chuyện mạch lạc hơn:

First • Then • Next • Finally

III. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ nhé:
<https://on.soundcloud.com/XDT47ABkfD4QnTj3N0>



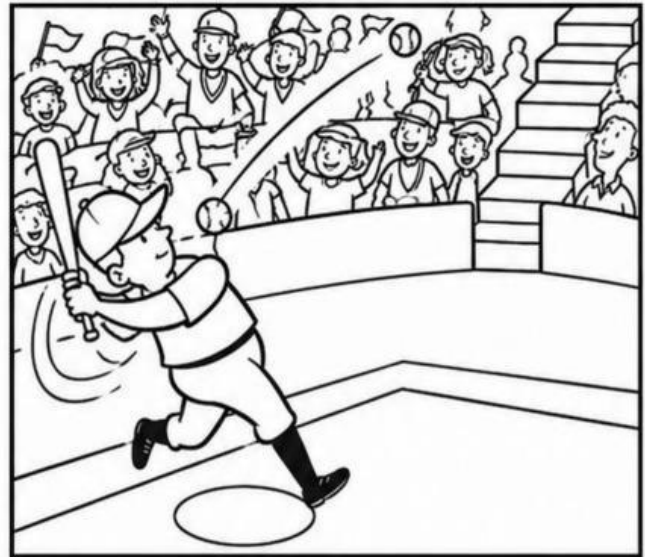
No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	pretty (adj)	xinh đẹp		4	village (n)	ngôi làng	
2	ring (n)	nhẫn		5	lovely (adj)	đáng yêu	
3	silver (adj)	màu bạc		6	yet (adv)	vẫn chưa	

**Note: adv = adverb: trạng từ, adj = adjective: tính từ, n = noun: danh từ.*

B. CLASSWORK

FLYERS WRITING PART 7

Look at the three pictures. Write about this story. Write 20 or more words.



Try to use these words in your story:

family stadium baseball game
hit the ball catch the ball steps

C. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục III. EXTRA VOCABULARY (trang 2) một dòng vào vở.

II. Choose the correct answer.

0. Look! The astronaut _____ into the shuttle.

A. walk

B. walks

C. is walking

1. The scientists _____ about a new planet on the radio now.

A. is not talking

B. are not talking

C. do not talk

2. A spaceship _____ towards the moon at the moment.

A. is moving

B. moves

C. are moving

3. Mr. Park _____ a model of Mars in our science class this week.

A. am not building

B. is not building

C. are not building

4. _____ the astronauts wearing special suits in space today?

A. Do

B. Does

C. Are

5. _____ a satellite fly past the bright stars every night?

A. Does

B. Do

C. Are

III. Read the conversation, choose and write the words in the Present Continuous.

not cut	clean	plant	visit	not sleep	help
---------	-------	-------	-------	-----------	------

Teacher: Welcome to the wildlife park, everyone! What is everyone doing to help nature today?

Holly: Look! The park manager (0) is visiting the centre.

Harry: Wow! Some children (1) _____ flower seeds near the river now.

Katy: (2) _____ the park rangers _____ the trash in the lake at the moment?

Teacher: Yes, Katy. And the workers (3) _____ down any green trees this week because they are protecting them!

George: Look at the two pandas on the hill! They (4) _____. They are playing with bamboo!

Holly: That's amazing! All the students (5) _____ the animals in the park today.

IV. Find, correct one mistake in each sentence and rewrite full sentence.

0. Look! The teacher are writing on the board.

→ Look! The teacher is writing on the board.

1. Listen! The pupils is singing a lovely song in the music room.

→ _____

2. My sister is writeing an email to her friend at the moment.

→ _____

3. The kids are not runing in the playground right now.

→ _____

4. Look! What is the boys playing in the garden?

→ _____

5. We are not study English in the classroom today.

→ _____

CAMBRIDGE READING PRACTICE (5 questions)

Mary is talking to Sue about shopping. Mary is asking Sue some questions about a new shop. What does Sue say? Read the conversation and choose the best answer. Write a letter (A-H) for each answer. You do not need to use all the letters. There is one example.

Example

	Mary:	Hello, Sue. What a pretty dress! Is it new?
	Sue:	<u>C</u>

Questions

-  **Mary:** Where did you buy it?

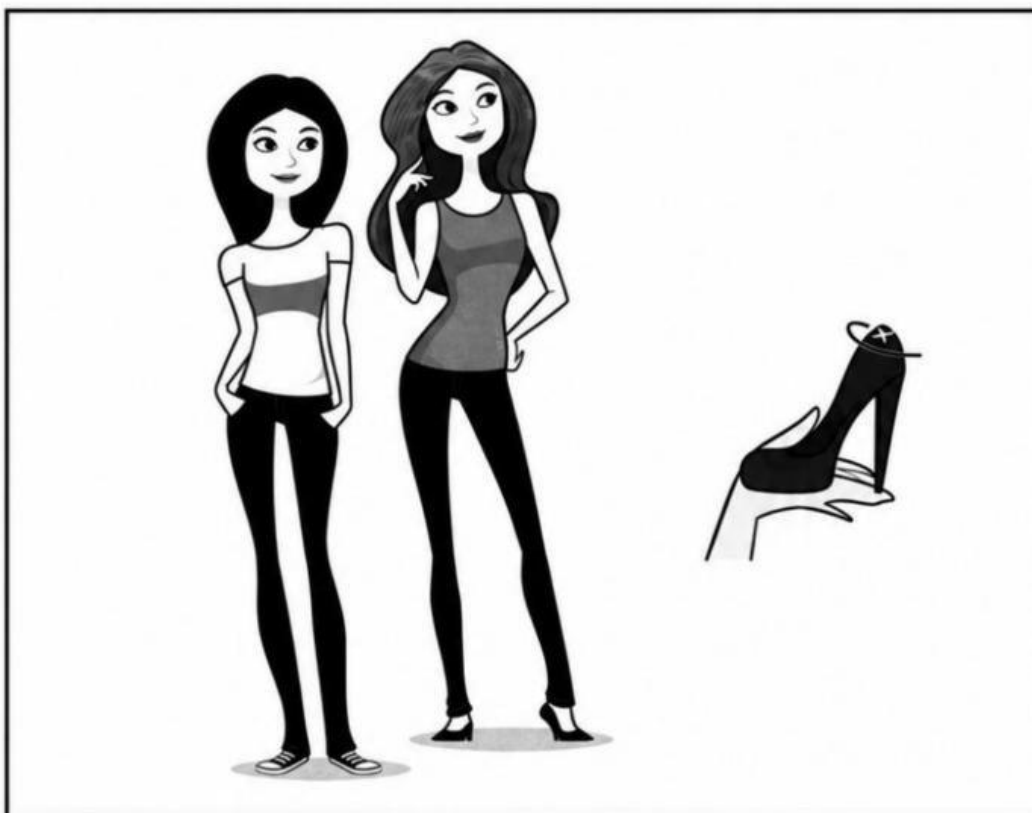
 **Sue:**
-  **Mary:** Have you been to the new shop in Sheep Street?

 **Sue:**
-  **Mary:** I bought this silver ring from there. Do you like it?

 **Sue:**
-  **Mary:** Do you want to go there tomorrow with me?

 **Sue:**
-  **Mary:** OK, when can we meet?

 **Sue:**



- A** Yes! That would be lovely.
- B** In front of the school.
- C** Thanks. Yes, it's new. **(Example)**
- D** No. Not yet.
- E** At about two o'clock.
- F** No, it's too early.
- G** Yes. It's very pretty and it looks nice on you.
- H** At a shop in the village.